

**TÒA ÁN N DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2018/DS-PT

Ngày: 31-01-2018

V/v tranh chấp đơn phương  
chấm dứt hợp đồng lao động.

**N DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN N DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Võ Thị Sang**

*Các Thẩm phán:* Ông **Nguyễn Tiến Dũng**  
Ông **Hồ Minh Cường**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Lâm Hỷ Ngọc** - Cán bộ Tòa án N dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát N dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà **Trần Thị Thúy Ái** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18, ngày 25 và ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại phòng xử án, Tòa án N dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án lao động phúc thẩm thụ lý số: 52/2017/TLPT-LĐ ngày 08 tháng 9 năm 2017 về việc: “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 65/2017/LĐ-ST ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 72/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần G** (tên cũ: Công ty Cổ phần O); Trụ sở: Phòng 5, tầng trệt, Tòa nhà P, số 83B đường K, phường Đ, quận K, thành phố Hà Nội.

Chi nhánh: **Chi nhánh Công ty Cổ phần G tại Thành phố Hồ Chí Minh** (tên cũ: Chi nhánh Công ty Cổ phần O tại Thành phố Hồ Chí Minh). Trụ sở: 2F-04 C, 101 đường T, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Vũ Đức P**, sinh năm 1985 – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Hoàng N**, sinh năm 1976; Cư trú: 81/16 đường H, Phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

(Theo Giấy ủy quyền số 09/2017/G-UQTT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Công ty Cổ phần G).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Đào Duy C**, sinh năm 1968 - Luật sư của Văn phòng luật sư Đ thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông **Danh Thanh L**, sinh năm 1982; Cư trú: Số 05 Đường số Q, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông **Trần Văn L1**, sinh năm 1959 - Luật sư của Văn phòng luật sư D thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn là ông Danh Thanh L.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Công ty Cổ phần G có ông Trần Hoàng N là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 09/02/2015, Chi nhánh Công ty Cổ phần G [tên cũ: Chi nhánh Công ty Cổ phần O (gọi tắt là Công ty G) và ông Danh Thanh L ký hợp đồng lao động số HCM/DR/HĐLĐ/012 cùng Phụ lục 1 – Mô tả công việc và cam kết thực hiện số HCM/DR/PLHĐ/012, hợp đồng chuyển giao công nghệ và đào tạo nghề số HCM/DR/ĐTN/012 và thỏa thuận bảo mật thông tin số HCM/DR/BMTT/012. Ngoài ra, ông L còn ký với Công ty văn bản thỏa thuận làm việc số HCM/DR/TTLV/012 có hiệu lực từ ngày 09/02/2015 để đảm nhận vị trí bác sĩ tư vấn và chăm sóc chuyên sâu các vấn đề về da mặt theo đúng quy trình về đào tạo tại PPP Laser Clinic các chi nhánh ở Thành phố Hồ Chí Minh, được hưởng chế độ lương, thưởng, phụ cấp ưu đãi, áp dụng riêng cho vị trí công việc.

Theo Điều 1 của hợp đồng lao động, mục đích và thời hạn của hợp đồng thì hợp đồng có thời hạn 03 năm, bắt đầu từ ngày 09/02/2015 đến ngày 08/02/2018. Tại khoản 1, Điều 12 của hợp đồng lao động quy định về chấm dứt hợp đồng lao động trong trường hợp đặc biệt, ông L đã cam kết về thời gian làm việc tại Công ty, cam kết không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động sau khi đã được cử đi học các khóa đào tạo từ nguồn kinh phí của Công ty.

Tại Điều 4 của hợp đồng đào tạo, ông L cam kết làm việc cho Công ty tối thiểu từ ngày 09/02/2015 đến ngày 08/02/2018. Trong quá trình thực hiện hợp đồng lao động, phụ lục hợp đồng, hợp đồng đào tạo ông L đã được Công ty cử đi học các khóa đào tạo, nâng cao 02 đợt từ ngày 14 đến ngày 17/4/2015 và từ ngày 23 đến ngày 26/11/2015.

Đối với thỏa thuận làm việc cho vị trí bác sĩ tư vấn và chăm sóc chuyên sâu các vấn đề về da, ông L cũng tự nguyện xác lập với Công ty cam kết thời hạn làm việc là 03 năm, bắt đầu từ ngày 09/02/2015 đến ngày 08/02/2018.

Việc ông L thông báo bằng thư điện tử (email) gửi cho Công ty ngày 09/9/2016 và ngày 29/9/2016, tự ý thôi việc từ ngày 03/10/2016 cho đến nay trái với quy định tại Điều 37 của Bộ luật lao động năm 2012.

Ngay sau khi nhận được đơn xin thôi việc của ông L. Vào các ngày 14/10/2016 và ngày 24/10/2016, Công ty có thông báo mời họp xem xét lý do xin nghỉ việc và văn bản yêu cầu ông L thực hiện nghĩa vụ đã cam kết với Công ty theo hợp đồng lao động nhưng ông L không đến Công ty để giải quyết, vẫn giữ nguyên yêu cầu xin nghỉ việc. Theo báo cáo và ghi nhận từ phòng nhân sự thì ông L đã không đến Công ty làm việc từ ngày 03/10/2016.

Nguyên đơn yêu cầu ông Danh Thanh L phải bồi thường một lần cho nguyên đơn số tiền chuyển giao công nghệ là 350.000.000 đồng do đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, không thực hiện nghĩa vụ đã cam kết theo hợp đồng lao động số HCM/DR/HĐLĐ/012 ngày 09/02/2015 và hợp đồng chuyển giao công nghệ và đào tạo nghề số HCM/DR/ĐTĐ/012 ngày 09/02/2015.

***Theo bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn là ông Danh Thanh L trình bày:***

Bị đơn xác nhận và nhất trí với nội dung trình bày của phía nguyên đơn về việc ký kết hợp đồng lao động số HCM/DR/HĐLĐ/012 cùng Phụ lục 1 – Mô tả công việc và cam kết thực hiện số HCM/DR/PLHĐ/012, hợp đồng chuyển giao công nghệ và đào tạo nghề số HCM/DR/ĐTĐ/012 và thỏa thuận bảo mật thông tin số HCM/DR/BMTT/012. Ngoài ra, ông L còn ký với Công ty văn bản thỏa thuận làm việc số HCM/DR/TTLV/012 có hiệu lực từ ngày 09/02/2015 để đảm nhận vị trí bác sĩ tư vấn và chăm sóc chuyên sâu các vấn đề về da mặt theo đúng quy trình về đào tạo tại PPP Laser Clinic các chi nhánh ở Thành phố Hồ Chí Minh, được hưởng chế độ lương, thưởng, phụ cấp ưu đãi, áp dụng riêng cho vị trí công việc.

Thực hiện hợp đồng, ông đã làm việc tại Công ty từ ngày 09/02/2015 đến ngày 03/10/2016. Từ khi ký hợp đồng bắt đầu làm việc cho đến khi thôi việc, ông không được Công ty cử đi đào tạo như Công ty đã trình bày. Trong thời gian làm việc, để tăng hiệu quả điều trị và tăng doanh thu, Công ty triển khai thêm các liệu trình để phục vụ khách hàng và sử dụng chuyên môn, kiến thức của bác sĩ và đưa sang Singapore du lịch mang danh nghĩa đào tạo để làm marketing. Việc chuyển giao công nghệ như Công ty trình bày đó chỉ là một buổi hướng dẫn sử dụng và vận hành máy nên Công ty đòi ông bồi thường 350.000.000 đồng là không hợp lý.

Ngày 09/9/2016, ông có gửi thư điện tử xin thôi việc đồng thời ông xin nghỉ phép từ ngày 03/10/2016 đến ngày 08/10/2016. Trong thư điện tử ông có thông báo đến ngày 08/10/2016 thôi việc là đủ thời gian báo trước 30 ngày, ông xin nghỉ vì lý do cá nhân.

Ông xác định ông không cung cấp được cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ về các khoản tiền lương, tiền quỹ gắn bó, tiền đạt doanh thu và số lượt điều trị mà ông yêu cầu Công ty G thanh toán theo yêu cầu của Tòa án tại Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 22/2017/QĐ-CCTLCC ngày 22/5/2017, ông đã không thực hiện thủ tục hòa giải theo Thông báo số 577/TB-TA ngày 22/5/2017 của Tòa án.

Do môi trường làm việc không đủ oxy nên ông bị bệnh và đang nuôi con nhỏ nên ông không có khả năng bồi thường theo yêu cầu của Công ty. Đối với yêu cầu của Công ty, ông chỉ đồng ý thanh toán 50.000.000 đồng vì lý do danh dự.

**Tại Bản án lao động sơ thẩm số 65/2017/LĐ-ST ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:**

- Căn cứ Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 23, Điều 37, Điều 41, Điều 43, Điều 201 của Bộ luật lao động năm 2012;

- Áp dụng Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Công ty Cổ phần G: Buộc ông Danh Thanh L có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần G giá chuyển giao công nghệ số tiền là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07 tháng 8 năm 2017, bị đơn là ông Danh Thanh L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

\* Bị đơn ông Danh Thanh L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và cho rằng: Do Công ty G bố trí công việc không đúng với hợp đồng lao động, môi trường làm việc không đảm bảo sức khỏe nên ông xin nghỉ việc, theo hợp đồng thì bị đơn được tuyển dụng vào vị trí làm bác sĩ thực tập nhưng theo thỏa thuận làm việc thì bố trí làm bác sĩ chính, đồng thời còn làm bác sĩ phó, khi nghỉ việc ông đã báo trước cho Công ty 30 ngày, do đó không vi phạm thời hạn báo trước nên không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Ngoài ra, Công ty đã thay đổi tên thành Công ty Cổ phần G từ ngày 14/10/2014 nhưng vẫn lấy con dấu khắc tên Công ty cũ để ký hợp đồng là không đúng.

Trong thời gian làm việc, Công ty có đưa bác sĩ sang Singapore du lịch nhưng mang danh nghĩa đào tạo để làm marketing nhằm tăng liệu trình điều trị và tăng doanh thu. Việc chuyển giao công nghệ như Công ty trình bày đó chỉ là một buổi hướng dẫn sử dụng và vận hành máy, Công ty không đào tạo bị đơn như hợp đồng chuyển giao công nghệ và đào tạo nghề số HCM/DR/ĐTN/012 ngày 09/02/2015 mà các bên đã ký kết, đối với Giấy chứng nhận đào tạo và tham dự bị đơn không được nhận mà do Công ty nhận, giấy này không có giá trị, chỉ lừa dối khách hàng, bị đơn không chấp nhận nên việc Công ty đòi bị đơn bồi thường số

tiền 350.000.000 đồng là không hợp lý, chi phí cho chuyến đi du lịch khoảng 50.000.000 đồng, vì vậy bị đơn chỉ đồng ý thanh toán lại cho Công ty số tiền 50.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án lao động sơ thẩm.

\* Luật sư Trần Văn L1 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi thụ lý vụ án với tài liệu chứng cứ là Giấy chứng nhận đào tạo và tham dự không phải là tiếng Việt, nên không được xem là chứng cứ để xác định việc đưa ông L đi đào tạo; Chủ thể ký các hợp đồng với ông L là không hợp pháp vì Giấy ủy quyền ngày 28/02/2014 ở Tòa án cấp sơ thẩm do bà Nguyễn Thúy H ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Mỹ D ký hợp đồng lao động với ông L là không có giá trị pháp lý do tại thời điểm ký hợp đồng bà H không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty G. Giấy ủy quyền ngày 14/10/2014, ông N đại diện nguyên đơn cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm ngày 05/12/2017 do ông Vũ Đức P là người đại diện theo pháp luật của Công ty G ủy quyền cho bà D ký hợp đồng lao động với ông L là tạo dựng, vì căn cứ vào giấy thay đổi đầu tư lần thứ hai được ký ngày 14/10/2014 của Sở kế hoạch và Đầu tư được giao trả về Công ty là ngày 24/10/2014 thì mới được ký giấy ủy quyền do đó giấy ủy quyền ký ngày 14/10/2014 là không hợp lệ. Từ việc ủy quyền không hợp lệ nên dẫn đến ký kết các hợp đồng không hợp lệ. Ngoài ra, Công ty G không có quyền chuyển giao công nghệ theo Điều 3 Luật công nghệ năm 2016, quyền sở hữu này không phải là của Công ty mà là Singapore, nếu chuyển giao thì phải suốt đời trong khi Giấy chứng nhận đào tạo và tham dự chỉ có hiệu lực một năm. Công ty không chứng minh được về chi phí chuyển giao công nghệ, đào tạo và về công nghệ đã được chuyển giao cho người lao động. Các giao dịch phát sinh giữa Công ty G với ông L là không đúng quy định của pháp luật. Mặc dù cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng nhưng không nhất thiết phải hủy án. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn sửa án sơ thẩm.

\* Nguyên đơn Công ty Cổ phần G có ông Trần Hoàng N là người đại diện theo ủy quyền cho rằng: Công ty G bố trí công việc cho ông L đúng với hợp đồng lao động, là bác sĩ tư vấn chuyên sâu về da theo thỏa thuận việc làm và đã đưa ông L đi Singapore chuyển giao công nghệ và đào tạo hai đợt là từ ngày 14/4/2015 đến ngày 17/4/2015, đợt hai từ ngày 23/11/2015 đến ngày 26/11/2015, ông L đã được cấp Giấy chứng nhận đào tạo và tham dự khi kết thúc khóa đào tạo. Ông L xin nghỉ việc là vì lý do cá nhân ngoài ra không có lý do nào khác. Do ông L đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm.

\* Luật sư Đào Duy C là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 05/12/2017 ông Vũ Đức P là người đại diện theo pháp luật của Công ty G đã thừa nhận rằng có làm ủy quyền cho bà Dung ngay sau khi Sở kế hoạch và Đầu tư ký giấy thay đổi lần thứ hai ngày

14/10/2014 vì Công ty phải hoạt động liên tục và xuyên suốt nên việc ủy quyền cho bà Dung là có cơ sở chấp nhận. Về công nghệ là bí quyết, kỹ thuật là một cái riêng và rất đắt thù đã được thể hiện rõ tại Điều 1 của hợp đồng chuyển giao công nghệ và đào tạo nghề số HCM/DR/ĐTN/012 bí quyết, kỹ thuật này đã được chuyển giao cho ông L tại Singapore. Tại thời điểm ký kết hợp đồng lao động, ông L còn hạn chế chưa nắm được bí quyết, kỹ thuật về cung cấp những dịch vụ cao cấp về chăm sóc da nên ông L là bác sĩ thực tập. Sau khi được Công ty đưa đi đào tạo, chuyển giao bí quyết, nắm bắt những kỹ thuật, làm chủ công việc thì ông L không còn là bác sĩ thực tập mà là bác sĩ chính, là bác sĩ phó của Công ty có trách nhiệm hỗ trợ Công ty trong chuyên môn, công việc giám sát, đào tạo và hỗ trợ các bác sĩ khác trong Công ty trong để thực hiện việc điều trị chăm sóc da. Việc bố trí công việc này là phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng lao động, được các bên thỏa thuận, điều này được thể hiện rõ qua mức lương mà ông L được hưởng cho đến khi nghỉ việc. Do ông L đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, chủ tọa phiên tòa, hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Danh Thanh L. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 65/2017/LĐ-ST ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Danh Thanh L trong hạn luật định được chấp nhận.

[2]. Về tố tụng: Xét thấy Giấy chứng nhận đào tạo và tham dự ngày 26/11/2015 được trao cho ông Danh Thanh L bằng tiếng nước ngoài, không dịch thuật ra tiếng Việt mà Tòa án cấp sơ thẩm dùng làm chứng cứ để giải quyết vụ kiện là vi phạm khoản 3 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ở cấp phúc thẩm Giấy chứng nhận đào tạo và tham dự đã được Công ty Trách nhiệm hữu

hạn Thương mại P dịch thuật sang tiếng Việt ngày 31/10/2017. Xét nội dung của Giấy chứng nhận đào tạo và tham dự không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn sử dụng làm chứng cứ để giải quyết vụ án.

[3]. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 09/02/2015, Chi nhánh Công ty Cổ phần G [tên cũ: Chi nhánh Công ty Cổ phần O] và ông Danh Thanh L có ký các hợp đồng như: hợp đồng lao động số HCM/DR/HĐLĐ/012 cùng Phụ lục 1 – Mô tả công việc; cam kết thực hiện số HCM/DR/PLHĐ/012; hợp đồng chuyển giao công nghệ và đào tạo nghề số HCM/DR/ĐTN/012 và thỏa thuận bảo mật thông tin số HCM/DR/BMTT/012. Ngoài ra, ông L còn ký với Công ty G văn bản thỏa thuận làm việc số HCM/DR/TTLV/012 có hiệu lực từ ngày 09/02/2015 để đảm nhận vị trí bác sĩ tư vấn và chăm sóc chuyên sâu các vấn đề về da mặt theo đúng quy trình về đào tạo tại PPP Laser Clinic các chi nhánh ở Thành phố Hồ Chí Minh, được hưởng chế độ lương, thưởng, phụ cấp ưu đãi, áp dụng riêng cho vị trí công việc. Ngày 09/9/2016, ông L gửi thư điện tử (email) xin thôi việc, ngày 01/10/2016 ông L gửi thư điện tử xin nghỉ phép từ ngày 03/10/2016 đến ngày 08/10/2016. Ngày 02/10/2016, Công ty G gửi thư điện tử đồng ý cho ông L nghỉ 02 ngày phép, không đồng ý cho ông L nghỉ việc theo đơn xin nghỉ ngày 09/9/2016, ngày 03/10/2016 ông L nghỉ làm việc.

Nguyên đơn cho rằng ông L đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, nên yêu cầu ông L phải bồi thường cho nguyên đơn giá chuyển giao công nghệ là 350.000.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn cho rằng khi nghỉ việc ông đã báo trước cho Công ty 30 ngày (nộp đơn từ ngày 09/9/2016 cộng thêm 06 ngày nghỉ phép là từ ngày 03/10 đến ngày 08/10/2016) là chấm dứt hợp đồng lao động đúng pháp luật nên không đồng ý bồi thường cho Công ty số tiền là 350.000.000 đồng. Ông L chỉ đồng ý bồi thường cho Công ty số tiền là 50.000.000 đồng.

Xét kháng cáo của bị đơn ông Danh Thanh L:

- Về thủ tục ủy quyền: Có 02 (hai) giấy ủy quyền đó là giấy ủy quyền không số lập ngày 28/02/2014 (Bút lục số 226) và ủy quyền không số lập ngày 14/10/2014 do ông Trần Hoàng N đại diện nguyên đơn xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm ngày 05/12/2017 và cho rằng đã nộp ở Tòa án cấp sơ thẩm.

Luật sư Trần Văn L1 cho rằng giấy ủy quyền ngày 14/10/2014 là mới tạo dựng vì giấy thay đổi đầu tư lần 02 được ký vào ngày 14/10/2014, gửi về đến Công ty ngày 24/10/2014 do đó giấy ủy quyền phải được lập từ ngày Công ty nhận được giấy thay đổi đầu tư. Vì vậy, giấy ủy quyền này không hợp lệ nên các hợp đồng ký kết giữa Công ty G và ông Danh Thanh L không hợp lệ.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Giấy ủy quyền không số, lập ngày 28/02/2014 (Bút lục 226) do bà Nguyễn Thúy H – Tổng giám đốc Công ty là người

đại diện theo pháp luật của Công ty G ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Mỹ D – Giám đốc chi nhánh Công ty Cổ phần O tại Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: ủy quyền ký kết các hợp đồng kinh tế, hợp đồng hợp tác và hợp đồng lao động. Thời gian ủy quyền từ ngày 01/3/2014 đến ngày 01/3/2015 là bản photo không có đóng dấu sao y bản chính của cơ quan có thẩm quyền hoặc đã được đối chiếu bản chính mà Tòa án cấp sơ thẩm dùng làm căn cứ để giải quyết vụ kiện là không đúng theo quy định của pháp luật. Giấy ủy quyền không số, lập ngày 14/10/2014 do ông Vũ Đức P là người đại diện theo pháp luật của Công ty G ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Mỹ D có nội dung: Toàn quyền giao kết các hợp đồng kinh tế, hợp đồng hợp tác, hợp đồng lao động, thời gian ủy quyền từ ngày 14/10/2014 đến ngày 14/10/2015 do ông N xuất trình, tại góc phía trái giấy ủy quyền có thể hiện nội dung là: Đã đối chiếu bản chính của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Giấy ủy này quyền là bản photo, không có trong hồ sơ vụ án nên không thể đối chiếu hoặc xác định là đã nộp ở Tòa án cấp sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 05/12/2017 ông Vũ Đức P - Tổng giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty G có mặt đã xác nhận Giấy ủy quyền lập ngày 14/10/2014 mà ông N cung cấp là do ông ký tên, đóng dấu của Công ty và được thực hiện từ khi lập ủy quyền cho đến nay. Đồng thời ông P xuất trình bản chính Giấy ủy quyền ngày 14/10/2014 và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Giấy ủy quyền lập ngày 14/10/2014 để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Xét thấy, Công ty Cổ phần G có nhiều chi nhánh, việc hoạt động của Công ty và chi nhánh phải thường xuyên và liên tục, không thể ngừng hoặc gián đoạn. Do đó, việc ông Phương ký giấy ủy quyền ngay sau khi Sở kế hoạch và Đầu tư ký giấy thay đổi lần thứ hai ngày 14/10/2014 để kịp thời điều hành hoạt động Công ty của ông Phương là phù hợp với tính chất công việc của Công ty nên Hội đồng xét xử xác định Giấy ủy quyền ngày 14/10/2014 mà ông Phương xuất trình là có căn cứ nên hợp lệ. Luật sư Trần Văn L1 cho rằng giấy ủy quyền ngày 14/10/2014 là mới tạo dựng nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để xem xét.

Xét, Hợp đồng lao động số HCM/DR/HĐLĐ/012 ngày 09/02/2015; Phụ lục 1 - Mô tả công việc và cam kết thực hiện; thỏa thuận làm việc ngày 09/02/2015 được ký giữa ông Danh Thanh L và Công ty Cổ phần G thì ông Danh Thanh L vào làm việc ở vị trí bác sĩ thực tập trong Công ty với thời hạn 03 năm (từ 09/02/2015 đến hết ngày 08/02/2018). Như vậy, hợp đồng lao động được ký kết giữa ông Danh Thanh L và Công ty G là hợp đồng lao động xác định thời hạn được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 Bộ luật lao động năm 2012.

Ngày 09/9/2016, ông L gửi thư điện tử (email) xin nghỉ việc, ngày 01/10/2016 ông L gửi thư điện tử xin nghỉ phép 06 ngày tính từ ngày 03/10/2016 đến ngày 08/10/2016. Ngày 02/10/2016, Công ty G gửi thư điện tử chỉ đồng ý cho ông L nghỉ 02 ngày phép, không đồng ý cho ông L nghỉ việc theo đơn xin nghỉ ngày 09/9/2016, nhưng ông L đã tự ý nghỉ việc từ ngày 03/10/2016 là vi phạm khoản 1 Điều 10 nội



quy lao động của Công ty G. Sau khi nhận được đơn xin thôi việc của ông L, Công ty đã gửi thông báo mời ông L vào các ngày 08/10/2016 và ngày 24/10/2016 đến Công ty để xem xét lý do nghỉ việc và yêu cầu đến hết ngày 10/11/2016 ông L phải quay lại làm việc theo hợp đồng lao động đã ký với Công ty, nhưng ông L không đến Công ty để tiếp tục làm việc. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông L đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 37 và Điều 41 Bộ luật lao động năm 2012 là có căn cứ

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L còn cho rằng: Do Công ty G bố trí công việc không đúng với hợp đồng lao động nên ông L xin nghỉ việc. Xét thấy, tại thư điện tử (email) xin nghỉ việc ngày 09/9/2015, ông L xin nghỉ là vì lý do cá nhân. Ngoài ra, tại thời điểm ký kết hợp đồng lao động, ông L là bác sĩ thực tập với mức lương 10.000.000 đồng/tháng; sau khi ông L được Công ty đưa sang Singapore để đào tạo, chuyên giao công nghệ, nắm bắt được những bí quyết, kỹ thuật thì ông L giữ vị trí bác sĩ chính và là bác sĩ phó của Công ty với mức lương khoảng 40.000.000 đồng/tháng. Việc bố trí công việc này là phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng lao động, được các bên thỏa thuận, ông L không có ý kiến. Như vậy, công việc của ông L được bố trí là phù hợp với năng lực và chuyên môn.

Xét, ngày 09/02/2015 Công ty Cổ phần G có ký hợp đồng chuyển giao công nghệ và đào tạo nghề số HCM/DR/ĐTN/012 để tiến hành việc chuyển giao công nghệ là bí quyết, kỹ thuật thâm mỹ cấp cao là phù hợp với Điều 3 Luật chuyển giao công nghệ năm 2006 và các văn bản hướng dẫn về Luật chuyển giao công nghệ.

Xét giấy ủy quyền không số, ngày 14/10/2014 do ông Vũ Đức P là đại diện theo pháp luật của Công ty G đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Mỹ D được “toàn quyền giao kết các hợp đồng kinh tế, hợp đồng hợp tác, hợp đồng lao động ...”.

Căn cứ khoản 1 Điều 3 Thông tư số 47 ngày 16/11/2015 của Bộ lao động – Thương binh và Xã hội và điểm a, b, c khoản 1 Điều 3 Nghị định số 05/NĐ-CP ngày 12/01/2015 cũng quy định về việc ủy quyền của người sử dụng lao động cho người khác ký kết hợp đồng lao động. Do đó, việc bà Nguyễn Thị Mỹ D ký hợp đồng chuyển giao công nghệ và đào tạo với ông Danh Thanh L ngày 09/02/2015 là đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, hợp đồng chuyển giao công nghệ và đào tạo do ông L ký là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc, đồng thời hợp đồng này cũng thuộc loại hợp đồng đào tạo nghề được quy định Điều 62 Bộ luật lao động năm 2012. Do đó ông L cho rằng giấy ủy quyền ký kết không đúng thẩm quyền là không có căn cứ.

- Về con dấu: Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư được điều chỉnh lần thứ hai ngày 14/10/2014 có nội dung đề nghị thay đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần G, ngày 02/12/2014 và ngày 24/02/2015 Công ty G đã nộp đơn điều chỉnh Giấy chứng nhận, bổ sung thông tin của chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, nên ngày 09/02/2015 Công ty G vẫn dùng dấu cũ để ký hợp đồng chuyển giao công nghệ và đào tạo là không vi phạm.

- Về chuyển giao công nghệ: Tại Điều 1 của hợp đồng chuyển giao công nghệ và đào tạo nghề ngày 09/02/2015 hai bên thỏa thuận Công ty G chuyển giao công nghệ là “bí quyết, kỹ thuật thẩm mỹ cao cấp về quy trình điều trị thẩm mỹ da bằng thiết bị Laser và ánh sáng” và thực hiện đào tạo cho người nhận chuyển giao công nghệ là ông Danh Thanh L sử dụng được các bí quyết, kỹ thuật này. Việc chuyển giao công nghệ có thể được thực hiện thông qua các hình thức như cung cấp tài liệu, văn bản, tổ chức khóa học hoặc bất cứ hình thức nào khác do Công ty G quyết định. Tại Điều 2 địa điểm chuyển giao công nghệ và đào tạo nghề sẽ là PPP Laser Clinic tại TP.HCM, Chi nhánh Vincom hoặc bất cứ nơi nào khác.

Căn cứ vào lịch đào tạo “Bút lục số 60”, các hình ảnh “Bút lục số 215, 216, 217” và sự thừa nhận của các đương sự thể hiện Công ty G đã đưa ông L đi đào tạo trong 02 đợt từ ngày 14/4/2015 đến ngày 17/4/2015 và từ ngày 23/11/2015 đến ngày 26/11/2015. Căn cứ vào Giấy chứng nhận đào tạo và tham dự được trao cho ông Danh Thanh L của PPP INTERNATIONAL A có nội dung “Tôi chứng nhận rằng Bác sĩ có tên bên trên đã hoàn thành chương trình giáo viên và đào tạo ứng dụng Hệ thống làm sạch bằng Ánh sáng Laser (LLCS) ở Singapore. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định là ông L đã được Công ty G đưa đi Singapore để chuyển giao công nghệ và đào tạo nghề và đã hoàn thành khóa học.

- Về chi phí chuyển giao công nghệ và đào tạo nghề. Xét thấy, Trong hợp đồng chuyển giao công nghệ và đào tạo nghề HCM/DR/ĐTN/012 hai bên không thỏa thuận “chi phí đào tạo và thời gian đào tạo” mà thỏa thuận về giá chuyển giao công nghệ và thời gian thực hiện việc chuyển giao công nghệ” Tại Điều 3, khoản 1 Điều 5 của hợp đồng hai bên đã thỏa thuận trong thời gian 09/02/2015 đến hết ngày 08/02/2018 nếu người nhận chuyển giao đơn phương nghỉ trước thời hạn thì phải thanh toán giá chuyển giao là 350.000.000 đồng, mức giá này như là khoản phí chuyển giao công nghệ và đã bao gồm chi phí trả cho người dạy, tài liệu học tập, thuê địa điểm, máy, thiết bị, vật liệu thực hành, tiền lương và tất cả các chi phí gián tiếp khác. Do ông L đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật sau khi đã được Công ty G chuyển giao công nghệ và đào tạo nên ông L phải thanh toán cho nguyên đơn giá chuyển giao công nghệ là 350.000.000 đồng như đã thỏa thuận. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L cũng xác nhận Công ty có đưa ông sang Singapore để kiến tập nhưng thực tế là Công ty đưa đi tham quan du lịch nên ông L chỉ đồng ý thanh toán lại cho Công ty là 50.000.000 đồng chi phí du lịch. Tuy nhiên, ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

Do đó, căn cứ Điều 43 Bộ luật lao động năm 2012 và Điều 418, Điều 419 Bộ luật dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của Công ty G về việc buộc ông Danh Thanh L thanh toán số tiền 350.000.000 đồng là có cơ sở.

Từ những căn cứ trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Công ty G thanh toán giá chuyển giao công nghệ là 350.000.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là đúng quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo của ông Danh Thanh L và ý kiến của Luật sư Trần Văn L1 là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát N dân Thành phố Hồ Chí Minh. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Danh Thanh L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm, ông L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 96, khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 418, Điều 419 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 22, khoản 3 Điều 36, Điều 37, Điều 41, Điều 43, Điều 62 Bộ luật lao động năm 2012;

Căn cứ vào Điều 3, Điều 7 Luật chuyển giao công nghệ năm 2006;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 3 Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Bộ lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về hợp đồng lao động, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất của Nghị định 05/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động.

Căn cứ vào điểm a, b, c khoản 1 Điều 3 Nghị định số 05/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 11 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về Án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 26 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Danh Thanh L. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 65/2017/LĐ-ST ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần G.

Buộc ông Danh Thanh L có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần G giá chuyển giao công nghệ số tiền là 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành án tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày Công ty Cổ phần G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Danh Thanh L chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông Danh Thanh L phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

**2. Án phí lao động sơ thẩm:**

- Ông Danh Thanh L phải chịu án phí sơ thẩm là 10.500.000 (Mười triệu năm trăm nghìn) đồng.

- Công ty Cổ phần G không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.250.000 (Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng cho Công ty Cổ phần G theo Biên lai thu tạm ứng án phí số A ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3. Án phí lao động phúc thẩm:** Ông Danh Thanh L phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số B ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân quận T;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T;
- Đương sự;
- Lưu (T25).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Sang**